

Số: 872/BC-LIP

Lai Khê, ngày 16 tháng 7 năm 2026

**BÁO CÁO TÓM TẮT
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026**

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân thành phố;
- Sở Tài chính.

Căn cứ Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp.

Thực hiện công văn số 1048/STC-ĐKKD&QLDN ngày 06/02/2026 của Sở Tài chính về việc hướng dẫn, đôn đốc thực hiện công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước theo quy định.

Công ty TNHH MTV Khu công nghiệp Lai Vu báo cáo tóm tắt tình hình tài chính của Công ty 6 tháng đầu năm 2026 như sau:

I. Kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2026:

ĐVT: VND

STT	Chỉ tiêu	Số tiền
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	30.919.310.233
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	30.919.310.233
4	Giá vốn hàng bán	16.092.931.010
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	14.826.379.223
6	Doanh thu hoạt động tài chính	12.654.937.164
7	Chi phí tài chính	5.984.301
8	Chi phí bán hàng	
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	7.881.735.348
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	19.593.596.738
11	Thu nhập khác	260.305.371
10	Chi phí khác	157.107.517
13	Lợi nhuận khác	103.197.854
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	19.696.794.592
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	5.382.975.199
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	14.313.819.393

II. Tình hình tài sản, nguồn vốn:

ĐVT: VND

Chỉ tiêu	Cuối kỳ 30/06/2026	Đầu kỳ 01/01/2026
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		717.284.571.824
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	30.608.239.942	43.550.528.608
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	657.500.000.000	480.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	204.516.645.216	158.140.096.922
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	37.465.750.322	752.268.854
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	14.594.560.641	14.705.253.182
5. Phải thu ngắn hạn khác	157.218.508.299	147.444.748.932
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	(4.971.942.286)	(4.971.942.286)
7. Tài sản thiếu chờ xử lý	209.768.240	209.768.240
IV. Hàng tồn kho	33.992.281	
V. Tài sản ngắn hạn khác	1.022.922.094	35.593.946.294
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	1.022.922.094	35.593.946.294
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	345.264.577.688	358.653.865.563
I. Các khoản phải thu dài hạn		
II. Tài sản cố định	345.264.577.688	358.653.865.563
III. Bất động sản đầu tư		
IV. Tài sản dở dang dài hạn		
V. Đầu tư tài chính dài hạn		
VI. Tài sản dài hạn khác	32.693.518	76.695.790
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	1.238.979.070.739	1.076.015.133.177
NGUỒN VỐN		
C. NỢ PHẢI TRẢ	1.041.105.584.373	892.455.466.204
I. Nợ ngắn hạn	81.770.850.475	92.680.667.511
II. Nợ dài hạn	959.334.733.898	799.774.798.693
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	197.873.486.366	183.559.666.973
I. Vốn chủ sở hữu	183.559.666.973	183.559.666.973
1. Vốn góp của chủ sở hữu	168.000.000.000	168.000.000.000
4. Vốn khác của chủ sở hữu		
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		
8. Quỹ đầu tư phát triển	15.559.666.973	15.559.666.973
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối:	14.313.819.393	
- LNST chưa phân phối kỳ này	14.313.819.393	
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	1.238.979.070.739	1.076.015.133.177

005007.
CÔNG TY
TNHH
THÀNH VI
CÔNG NGH
AI VU
PHỐ HẢI P

Công ty TNHH MTV Khu công nghiệp Lai Vu báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố, Sở Tài chính theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, KSV;
- Ban Giám đốc;
- Lưu: VT, TCKT (Trang).



Q. CHỦ TỊCH

Vũ Công

